

Bản án số: 30/2025/HS-ST  
Ngày 08 - 01 - 2025

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ YÊN, TỈNH SƠN LA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Tân Việt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Minh Tiến

Bà Đinh Thị Minh Thúy

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Hương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 32/2024/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2024/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo: Mùa A Ch, sinh ngày 10 tháng 3 năm 1986 tại Bắc Yên- Sơn La. Nơi cư trú: bản X, xã Y, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Mông; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mùa A L (đã chết) và bà Thào Thị M; bị cáo có vợ và 03 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: không; bị cáo bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 12 tháng 7 năm 2024 đến nay, “có mặt”.

**- Người bào chữa cho bị cáo:** Ông Hồ A Chấu, Luật sư thuộc Đoàn luật sư Luật sư thành phố Hà Nội (công tác tại Trung tâm tư vấn pháp luật Toàn Cầu) bào chữa cho bị cáo Mùa A Ch, “có mặt”.

**- Bị hại:** Chị Thào Thị M, sinh năm 1989, nơi cư trú: bản Suối Khang, xã Suối Tọ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La, “vắng mặt”.

**- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

+ Chị Hạng Thị M, sinh năm 1992; nơi cư trú: Bản Trông Dê, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, “có mặt”.

+ Anh Mùa A D, sinh năm 2000; nơi cư trú: Bản Trông Dê, xã Hua Nhàn, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La, “có mặt”.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung

vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Mùa A Ch và chị Thào Thị M có quan hệ tình cảm bất chính từ năm 2018. Do sợ chồng và gia đình phát hiện sẽ ảnh hưởng đến hạnh phúc của gia đình, nên khoảng đầu tháng 02 năm 2024 chị M yêu cầu bị cáo Ch chấm dứt mối quan hệ nhưng bị cáo Ch không đồng ý. Chị M chủ động chấm dứt mọi liên lạc với bị cáo Ch từ thời điểm này. Do bức tức chị M, bị cáo Ch đã lập 03 tài khoản Facebook có tên “Mày Là Ma”; “Thao My” và “Phương Hoa” rồi liên tục đăng tải nhiều bài viết kèm theo hình ảnh cá nhân của chị M lên mạng xã hội Facebook. Chị M nhiều lần yêu cầu bị cáo Ch xóa các bài viết đã đăng trên mạng xã hội Facebook thì bị cáo Ch yêu cầu phải đưa cho bị cáo số tiền 100.000.000 đồng thì bị cáo Ch mới xóa các bài viết đã đăng, không tiếp tục đăng tải các bài viết mới trên mạng xã hội đồng thời chấm dứt mối quan hệ nam nữ giữa bị cáo Ch và chị M. Ngày 26/02/2024, tại nhà nghỉ Huy Béo thuộc xã Huy Hạ, huyện Phù Yên, chị M đã chuyển số tiền 2.000.000 đồng vào số tài khoản 79010215030190 của Mùa A Ch. Do chưa nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng như đã yêu cầu nên bị cáo Ch tiếp tục dùng thủ đoạn đăng tải bài viết, hình ảnh cá nhân chị M lên mạng xã hội Facebook nhằm bôi nhọ, nói xấu chị M, tạo áp lực, thúc giục chị M đưa tiếp số tiền còn lại. Ngày 12/7/2024, chị M và bị cáo Ch hẹn gặp nhau tại nhà nghỉ Hoàn Hải thuộc bản Tân Ba, xã Gia Phù, huyện Phù Yên để giao khoản tiền còn thiếu (98.000.000 đồng). Khi bị cáo Ch và chị M gặp nhau, do chị M chỉ có 10.000.000 đồng nên bị cáo Ch yêu cầu chị M viết giấy biên nhận trước số tiền 10.000.000 đồng, số tiền còn lại (88.000.000 đồng) sẽ đưa sau. Chị M đang chuẩn bị viết giấy để đưa tiền cho bị cáo Ch thì tổ công tác Công an huyện Phù Yên đến kiểm tra, yêu cầu Mùa A Ch và Thào Thị M về trụ sở Công an huyện Phù Yên để xác minh, điều tra làm rõ.

Kết luận giám định số 5992/KL-KTHS ngày 01/10/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận:

*“\* Trong mẫu cần giám định ký hiệu A1:*

*- Tìm thấy: 3420 lịch sử cuộc gọi, 1143 tin nhắn SMS/MMS, 8416 tin nhắn ứng dụng Zalo, 9191 tin nhắn ứng dụng Facebook, 610 tin nhắn ứng dụng Tik Tok, 01 tin nhắn ứng dụng StarMaker, 10 tin nhắn ứng dụng Whatsapp trong khoảng thời gian từ 01/01/2024 đến 12/7/2024 (không xác định được nội dung các nhật ký cuộc gọi và tin nhắn có liên quan đến nội dung vụ việc hay không) và 121379 hình ảnh lưu trữ trong máy điện thoại.*

*- Không tìm thấy dữ liệu nhật ký cuộc gọi, tin nhắn lưu trữ trong SIM điện thoại. (Chi tiết thể hiện trong thư mục "A1" lưu trữ trong USB kèm theo).*

*\* Trong mẫu cần giám định ký hiệu A2:*

*- Tìm thấy: 1371 lịch sử cuộc gọi, 167 tin nhắn SMS/MMS, 11697 tin nhắn ứng dụng Facebook, 452 tin nhắn ứng dụng Zalo, 05 tin nhắn ứng dụng Tik Tok, 170 tin nhắn ứng dụng Gmail trong khoảng thời gian từ 01/01/2024 đến 12/7/2024 (không xác định được nội dung các nhật ký cuộc gọi và tin nhắn có liên quan đến nội dung vụ việc hay không) và 137504 hình ảnh lưu trữ trong máy điện thoại mẫu cần giám định.*

*- Không tìm thấy dữ liệu nhật ký cuộc gọi, tin nhắn lưu trữ trong SIM điện thoại. (Chi tiết thể hiện trong thư mục "A2" lưu trữ trong USB kèm theo)”.*

Bản kết luận giám định số 5991/KL-KTHS ngày 14/11/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: “Không tìm thấy dấu vết cắt ghép, chỉnh sửa nội dung trong các tệp âm thanh mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người nói giọng nữ xưng “em” trong các mẫu cần giám định ký hiệu A2, A3 (ký hiệu “M”) trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định và tiếng nói của Thào Thị M trong mẫu so sánh là của cùng một người. Không giám định được tiếng nói của Thào Thị M trong các mẫu cần giám định còn lại do mẫu cần giám định có tiếng nói là tiếng dân tộc.

- Tiếng nói của người nói giọng nam xưng “tao” trong các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3 (ký hiệu “Ch”) trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định và tiếng nói của Mùa A Ch trong mẫu so sánh là của cùng một người. Không giám định được tiếng nói của Mùa A Ch trong các mẫu cần giám định còn lại do mẫu cần giám định có tiếng nói là tiếng dân tộc.

- Nội dung hội thoại trong các mẫu cần giám định ký hiệu A1, A2, A3, A4 đã được chuyển thành văn bản (Chi tiết thể hiện trong Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định kèm theo). Không chuyển được nội dung đoạn hội thoại trong mẫu cần giám định ký hiệu A5 thành văn bản do mẫu cần giám định có nội dung hội thoại là tiếng dân tộc. Kèm theo Kết luận giám định gồm: 01 (một) Bản dịch nội dung ghi âm mẫu cần giám định gồm 08 (tám) trang khổ A4”.

Kết luận giám định số 1492/KL-KTHS ngày 22/7/2024 của Viện khoa học hình sự - Bộ công an kết luận: “Số tiền VNĐ gửi giám định là tiền thật”.

Với những tình tiết như trên, tại Cáo trạng số: 86/CT – VKS ngày 29/11/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Mùa A Ch về tội Cường đoạt tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Mùa A Ch khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày luận tội, đề nghị Hội đồng xét xử kết tội bị cáo Mùa A Ch theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm d khoản 2 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo từ 04 năm 06 tháng đến 05 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về vật chứng, đề nghị tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15S, màu xanh của bị cáo Mùa A Ch. Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên trả lại cho chị Hạng Thị Mo 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 26E1–103.13, nhãn hiệu HONDA Wave. Trả lại cho chị Thào Thị M 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 2019, màu xanh và 10.000.000 đồng. Ghi nhận bị cáo Ch và gia đình tự nguyện bồi thường cho chị Thào Thị M khoản tiền 2.000.000 đồng.

Bị cáo Mùa A Ch nhất trí với quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên.

Người bào chữa cho bị cáo Mùa A Ch nhất trí với luận tội của kiểm sát viên về tội danh. Về hình phạt và điều khoản của Bộ luật Hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm t khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 54 quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo; đề nghị trả lại cho bị cáo chiếc điện thoại di động.

Bị hại Thào Thị M gửi đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa, về trách nhiệm hình sự đề nghị hội đồng xét xử giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, chị Hạng Thị Mo không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản tiền nào khác; anh Mùa A Dơ không yêu cầu bị cáo bồi hoàn khoản tiền 2.000.000 đồng và không yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Kết thúc tranh luận, bị cáo trình bày lời nói sau cùng, bị cáo Mùa A Ch đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phù Yên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Yên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Mùa A Ch khai nhận đã đe dọa, uy hiếp tinh thần bị hại Thào Thị M bằng việc đăng các bài viết nói xấu bị hại lên các trang mạng xã hội trực tuyến, buộc bị hại phải đưa cho bị cáo khoản tiền 100.000.000 đồng nhằm chiếm đoạt. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra; phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự thì “2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm: d) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;”

Như vậy, hành vi của bị cáo Ch đã cấu thành tội Cưỡng đoạt tài sản theo điểm d khoản 2 Điều 170 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội; nhân thân người phạm tội và về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, gây nguy hại cho xã hội rất lớn; sau khi chiếm đoạt của bị hại số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 26/02/2024, bị cáo không chấm dứt hành vi phạm tội mà tiếp tục uy hiếp tinh thần buộc bị hại phải đưa hết số tiền còn thiếu; ngày 12/7/2024 khi biết chị M chỉ có 10.000.000 đồng bị cáo đã không nhận tiền ngay mà buộc bị hại phải viết giấy biên nhận. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân, ảnh hưởng xấu đến trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức được việc xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là trái

pháp luật nhưng do hám lợi trước mắt, bị cáo đã bất chấp quy định của pháp luật, cố ý phạm tội.

[3.2] Về nhân thân người phạm tội: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, làm nghề lao động tự do, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế, xã hội khó khăn, nhận thức pháp luật còn hạn chế.

[3.3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường thiệt hại; được bị hại đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt. Hội đồng xét xử cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Bị cáo Ch chỉ thành khẩn khai báo chứ không tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong quá trình giải quyết vụ án nên không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự tại điểm t khoản 1 điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt chính, từ việc phân tích, đánh giá những căn cứ quyết định hình phạt ở trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo, với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người công dân tốt, có ích cho xã hội. Không áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo theo khoản 1 điều 54 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 170 Bộ luật Hình sự quy định “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.*” Do đó, bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế còn khó khăn (bút lục 343- 346), cho nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng, áp dụng biện pháp tư pháp:

Đối với 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 26E1–103.13, nhãn hiệu HONDA Wave, xác định thuộc quyền sở hữu hợp pháp của chị Hạng Thị Mo. Bị cáo tự ý sử dụng chiếc xe làm phương tiện đi gặp bị hại. Chị Mo không có lỗi trong việc để bị cáo sử dụng chiếc xe vào việc thực hiện hành vi phạm tội. Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên trả lại cho chị Mo chiếc xe mô tô; trả lại cho chị Thào Thị M 01 chiếc điện thoại di động và 10.000.000 đồng là có căn cứ, đúng pháp luật, Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15S của bị cáo Mùa A Ch, bị cáo sử dụng chiếc điện thoại di động để đăng bài viết và liên lạc yêu cầu bị hại M đưa tiền, là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử cần tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Xét việc bị cáo Ch và gia đình bồi thường cho chị Thào Thị M khoản tiền 2.000.000 đồng là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, Hội đồng xét xử cần ghi nhận. Bị hại không yêu cầu bồi thường thêm khoản tiền nào khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về biện pháp ngăn chặn: Do đến ngày xét xử, thời hạn tạm giam đối với bị cáo Mùa A Ch đã hết nên Hội đồng xét xử cần tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo việc thi hành án.

[9] Về án phí: Bị cáo là cá nhân thuộc hộ nghèo, tại phiên tòa bị cáo đề nghị được miễn án phí, Hội đồng xét xử cần miễn nộp án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 170; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự;*

1. Tuyên bố: Bị cáo Mùa A Ch phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”. Xử phạt Mùa A Ch 04(bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12/7/2024 (ngày bị tạm giữ, tạm giam). Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp:

*Căn cứ điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 1 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự;*

Chấp nhận Cơ quan CSĐT Công an huyện Phù Yên trả lại cho chị Hạng Thị Mo 01 chiếc xe mô tô, biển kiểm soát 26E1–103.13, nhãn hiệu HONDA Wave, màu sơn đỏ. Trả lại cho chị Thào Thị M 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu VIVO 2019, màu xanh, bên trong máy lắp 01 thẻ sim điện thoại và 10.000.000 đồng.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15S, màu xanh, bên trong máy lắp 02 thẻ sim điện thoại của bị cáo Mùa A Ch.

3. Về trách nhiệm dân sự:

*Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 586 và Điều 589 của Bộ luật dân sự;*

Ghi nhận bị cáo Ch và gia đình tự nguyện bồi thường cho chị Thào Thị M khoản tiền 2.000.000 đồng.

4. Về án phí:

*Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; các Điều 14, 15; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;*

Bị cáo Mùa A Ch được miễn nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 08/01/2025). Bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
  - Bị hại (nếu có);
  - VKSND huyện Phù Yên;
  - Người bào chữa (nếu có);
- } Giao
- TAND tỉnh;
  - VKSND tỉnh;
  - Cơ quan điều tra- CA huyện ;
  - CQ Thi hành án hình sự;
  - Trại TG (nhà tạm giam);
  - Sở tư pháp tỉnh;
  - Người có QL,NVLQ (nếu có);
  - Chi cục THADS huyện (án có hiệu lực);
  - Lưu: HS.
- } Gửi

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Tân Việt**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Bị cáo;
  - Bị hại (nếu có);
  - VKSND huyện Phù Yên;
  - Người bào chữa (nếu có);
- } Giao
- TAND tỉnh;
  - VKSND tỉnh;
  - Cơ quan điều tra- CA huyện ;
  - CQ Thi hành án hình sự;
  - Trại TG (nhà tạm giam);
  - Sở tư pháp tỉnh;
  - Người có QL,NVLQ (nếu có);
  - Chi cục THADS huyện (án có hiệu lực);
  - Lưu: HS.
- } Gửi

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Tân Việt**

















